

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-10-2019
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thanh Xuân
2. Bà Nguyễn Thị Kim Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Bình – kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Cẩm N

Địa chỉ: Khóm 3, phường TP, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long – Có mặt.

2. Bị đơn: Nguyễn GL

Địa chỉ: Ấp 5B, xã TH, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà N trình bày: Bà và ông GôLíc tự nguyện đi đến hôn nhân vào ngày 12 tháng 8 năm 2016. Quá trình chung sống, vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn khi bà sinh cháu Nguyễn Thị Hồng G, nguyên nhân là do ông GL có bồ bịch ở bên ngoài. Bà có khuyên bảo và ông GL hứa sẽ thay đổi nhưng không thay đổi. Đến ngày 15/4/2018, bà quyết định đi làm xa để vợ chồng có thời gian suy nghĩ lại. Tuy nhiên, những lần về thăm nhà bà phát hiện ông GL vẫn nhắn tin qua lại tình cảm với người thứ ba. Vì vậy, bà N xin được ly hôn với ông GL.

Về con chung: Có 01 con chung, cháu tên Nguyễn Thị Hồng G(nữ) sinh ngày 02/01/2017, sau khi bà N đi làm cháu G do ông GL nuôi dưỡng, đến khi bà N nộp đơn ly hôn thì bà rước cháu G về sống cùng bà, hiện tại cháu G đang sống cùng bà ở Đà

Năng. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông GL cấp dưỡng. Hiện bà đang làm việc cho khách sạn Mường Thanh ở Đà Nẵng, lương theo hợp đồng là 6.000.000đồng/tháng, ngoài ra còn có các khoản phụ cấp, thưởng đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông GL trình bày: Ông thống nhất với bà N về quá trình dẫn đến hôn nhân. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà N bỏ chồng con đi làm ăn xa, ít khi về thăm nhà. Đối với yêu cầu xin ly hôn của N ông cũng đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung, cháu tên Nguyễn Thị Hồng G (nữ) sinh ngày 02/01/2017, bà N bỏ đi làm khi cháu G mới qua thôi nôi, thời gian gần đây bà N về nộp đơn ly hôn và xin cho cháu G về nhà chơi vài hôm sẽ trả lại cho ông. Tuy nhiên, đến nay N lại đưa cháu G ra Đà Nẵng không đưa về cho ông. Đối với yêu cầu nuôi con chung của bà N ông không đồng ý, thời gian bà N bỏ đi cháu G sống cùng ông vẫn được chăm sóc chu đáo, khỏe mạnh, phát triển bình thường. Vì vậy, sau khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, ông đang làm thợ sửa máy may cho công ty Lạc Tỷ ở Tân Phú Thạnh, lương theo hợp đồng là 5.500.000đồng có đủ khả năng nuôi con. Đồng thời, cha mẹ ông cũng tự nguyện giúp ông chăm sóc cháu G trong tkhi ông đi làm, bà N thì chỉ có một mình ở Đà Nẵng, không có ai phụ giúp để chăm sóc cháu G.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Biết trình bày: Bà là hàng xóm của gia đình ông GL, thời gian bà N đi làm xa, cháu G sống với ông GL và ông bà nội được chăm sóc tốt, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường.

Tại phiên tòa bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông GL và giữ nguyên yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông GL cấp dưỡng. Ông GL đồng ý ly hôn nhưng không đồng ý giao con chung cho bà N nuôi dưỡng mà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 55, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân gia đình ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà N và ông GL. Về con chung giao cho N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Hồng G, ông GL không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về nợ chung và tài sản chung không đặt ra xem xét. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Nguyễn GL do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông GL. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy hôn nhân giữa bà N và ông GL có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn hai bên đương sự khai không thống nhất, tuy nhiên vợ chồng hiện đã sống ly thân, cả hai đều xác định tình cảm không còn và không thể tiếp tục cuộc sống chung. Do vậy, ông GL đồng ý theo yêu cầu xin ly hôn của bà N, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của bà N và ông GL.

[4] Về con chung: Bà N và ông GL có 01 con chung là Nguyễn Thị Hồng G (nữ) sinh ngày 02/01/2017, sau khi ly hôn bà N và ông GL đều có yêu cầu được nuôi con chung. Xét về điều kiện kinh tế thì cả bà N và ông GL đều có đủ khả năng tài chính để nuôi cháu G. Về điều kiện chăm sóc thì hiện tại ông GL có sự giúp đỡ của cha mẹ, thời gian cháu G sống cùng ông GL cũng được chăm sóc tốt, khỏe mạnh và phát triển bình thường, bà N đang sống một mình sẽ có nhiều khó khăn trong việc chăm sóc con chung. Tuy nhiên, do tại thời điểm xét xử, cháu G chưa đủ 36 tháng tuổi nên căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của bà N. Do bà N không yêu cầu ông GL cấp dưỡng nuôi con chung nên ông GL không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai thống nhất là không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[7]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Nguyễn GL.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng G (nữ) sinh ngày 02/01/2017 cho bà Nguyễn Thị Cẩm N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn GL không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông GL có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên khai không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0021743 ngày 02/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã TH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mạc Thị Chiên